

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/DS-ST
Ngày: 09-01-2023
“V/v tranh chấp về hợp đồng
dân sự mua bán tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Võ Thanh Liêm

- Ông Nguyễn Trường Thống

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án.

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận không tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2022/TLST-DS, ngày 01 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Hộ Kinh doanh M; Địa chỉ: Quốc lộ 63, Tổ 12, ấp M, xã M, huyện Th, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện: Bà Bùi Thúy D, sinh năm 1996; địa chỉ: ấp M, xã M, huyện Th, tỉnh Kiên Giang; *có mặt*

Bị đơn: Ông Võ Văn L, sinh năm 1974; địa chỉ: ấp B, xã B, huyện Th, tỉnh Kiên Giang; *có mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2022, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn, bà Bùi Thúy D trình bày: Ngày 21/02/2022, ông L cùng Hộ kinh doanh M có thỏa thuận về việc mua bán thức

ăn và thuốc thủy sản để ông L nuôi tôm do tin tưởng hợp tác nên chỉ thỏa thuận bằng lời nói không lập thành văn bản. Theo hợp đồng Hộ Kinh doanh M bán cho ông L các sản phẩm như: Thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa, thuốc và hóa chất cho nuôi trồng thủy sản. Quá trình giao nhận hàng hóa thì hai bên sẽ ghi và theo dõi hàng hóa của mỗi bên và thanh toán theo vụ thu hoạch tôm. Cụ thể bên giao hàng cho ông L tại kho hàng của Hộ Kinh doanh M theo đơn hàng hoặc hỗ trợ vận chuyển hàng hóa đến địa điểm của ông L, nếu có thỏa thuận. Khi nhận hàng thì bên ông L phải kiểm tra hàng và ký xác nhận việc giao nhận hàng hóa cho bên Hộ Kinh doanh M. Kể từ thời gian hàng hóa đã bàn giao xong cho ông L và hai bên đã ký xác nhận việc giao nhận hàng thì bên Hộ Kinh doanh M không chịu trách nhiệm nữa. Thời hạn thanh toán là cuối mỗi vụ thu hoạch tôm thì ông L có trách nhiệm thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho bên Hộ Kinh doanh M, kể cả trường hợp tôm thất. Trong suốt quá trình giao dịch, Hộ Kinh doanh M đã nhiều lần bán thức ăn tôm cho ông L theo đúng đơn hàng của ông yêu cầu. Sau khi nhận hàng ông L đều ghi vào sổ theo dõi hàng hóa của mình và không có ý kiến phản đối về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa được nhận từ bên Hộ kinh doanh M. Theo thỏa thuận với Hộ kinh doanh M, ông L có nghĩa vụ thanh toán dứt điểm toàn bộ công nợ cho bên Hộ Kinh doanh M khi ông L thu hoạch tôm. Tuy nhiên, ông L đã không thực hiện đúng theo đúng thỏa thuận. Ngày 05/8/2019 ông L không thanh toán hết tiền hàng bên Hộ Kinh doanh M tiến hành cắt hàng, yêu cầu ông L thanh toán công nợ, tuy nhiên đến nay ông L không thanh toán. Tính đến ngày 28/7/2022 ông L còn nợ Hộ kinh doanh M số tiền 149.908.000 đồng căn cứ theo sổ khách hàng và bảng đối chiếu công nợ ngày 28/7/2022 có chữ ký xác nhận của ông L. Nay Hộ Kinh doanh M yêu cầu ông L trả số tiền còn nợ là: Nợ gốc 149.908.000 đồng và phần tiền lãi tạm tính từ ngày 28/7/2022 đến ngày 19/12/2022 (04 tháng, 21 ngày) theo mức lãi suất 10%/năm số tiền là 3.118.000 đồng, tổng cộng là 153.026.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 20/12/2022 cho đến khi vụ việc được giải quyết xong.

Tại bản tự khai, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa bị đơn ông Võ Văn L trình bày: Thông nhất lời trình bày của Hộ Kinh doanh M, thừa nhận có việc mua bán như đại diện Hộ Kinh doanh M trình bày. Tính đến nay ông L còn nợ Hộ Kinh doanh M số tiền vật tư thủy sản, nợ gốc là 149.908.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn ông L xin trả dần, mỗi năm 10.000.000 đồng. Về phần tiền lãi mà Hộ kinh doanh M yêu cầu ông L hiện không có khả năng nên xin bỏ phần tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Nguyên đơn Hộ Kinh doanh M khởi kiện yêu cầu ông Võ Văn L trả tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản còn nợ nên đây được xác định là “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản*”.

[2] *Về nội dung tranh chấp:* Ngày 21/02/2022, ông L cùng Hộ kinh doanh M có thỏa thuận về việc mua bán thức ăn và thuốc thủy sản để ông L nuôi tôm, do tin tưởng hợp tác nên chỉ thỏa thuận bằng lời nói không lập thành văn bản. Theo hợp đồng Hộ Kinh doanh M bán cho ông L các sản phẩm như: Thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa, thuốc và hóa chất cho nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng ông L đã không thực hiện đúng theo Hợp đồng đã ký là thanh toán dứt điểm công nợ cho bên Hộ kinh doanh M khi thu hoạch tôm, kể cả trường hợp tôm thất. Tính đến ngày xét xử ông L còn nợ số tiền gốc là 149.908.000 đồng. Phía nguyên đơn đã yêu cầu ông L thanh toán nợ nhiều lần nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán. Thấy rằng, đến nay ông L không thanh toán số tiền còn nợ là đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền được quy định tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, Hộ Kinh doanh M khởi kiện là có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu xin được trả dần số nợ gốc của bị đơn ông L do phía Nguyên đơn không đồng ý nên không có cơ sở để ghi nhận.

[3] Tại phiên tòa, phía nguyên đơn xin rút yêu cầu đối với số tiền lãi nên căn cứ Điều 214 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn ông L phải chịu án phí đối với nghĩa vụ buộc phải thi hành là $149.908.000 \text{ đồng} \times 5\% = 7.495.400 \text{ đồng}$.

Hoàn trả cho Hộ Kinh doanh M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.785.225 đồng theo biên lai thu số 0002607 ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Th.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, 266, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 430, 433, 434; khoản 1 Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn của Hộ Kinh doanh M, buộc bị đơn ông L trả cho Hộ Kinh doanh M số tiền là 149.908.000 đồng

2- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi của Hộ kinh doanh M đối với ông Võ Văn L.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông L phải chịu án phí là 7.495.400 đồng.

Hoàn trả cho Hộ Kinh doanh M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.785.225 đồng theo biên lai thu số 0002607 ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Th.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4- Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Th;
- Chi cục THADS huyện Th;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kiều Diễm